

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN ĐƯỚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-11-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành

2. Bà Trần Ánh Hồng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cần Đước.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 475/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1975, cư trú tại: ấp 3, xã L, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. (Có mặt)

***Bị đơn:*** Ông Mai Văn T2, sinh năm 1970, cư trú tại: ấp 3, xã L, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 05/11/2020)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T1 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà T1 và ông T2 chung sống với nhau từ năm 1991, trước khi bắt đầu chung sống với nhau, bà T1 và ông T2 có tìm hiểu nhau được 06 tháng. Đến năm 2003, vợ chồng bà T1 thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Định, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01, ngày 19/3/2003. Trong thời gian chung sống với nhau, bà T1 nhận thấy vợ chồng hạnh phúc được mười năm đầu, sau đó, ông T2 thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho vợ con, chi phí sinh hoạt gia đình bà T1 tự trang trải, ông T2 không có phụ bà T1. Thời điểm này, do con còn nhỏ nên bà T1 cố gắng sống vì con, bà T1 khuyên ông T2 nhiều lần nhưng ông T2 vẫn không thay đổi. Cách đây sáu năm, ông T2 lại còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà T1 có khuyên, hàn gắn tình cảm với ông T2 thì ông T2 đã không còn có quan hệ tình cảm với người khác. Tuy nhiên, đến năm 2019, ông T2 lại tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà T1 và ông T2 đã ly thân với nhau từ tháng 10/2019. Bà T1 nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông T2 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T1 được ly hôn với ông T2.

Về con chung, trong thời gian chung sống, bà T1 và ông T2 có hai người chung tên Mai Hoàng P, sinh ngày 04/11/1992 và Mai Hoàng N, sinh ngày 16/11/1994. Hiện nay, hai người con đã thành niên nên bà T1 không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà T1 xác định trong quá trình chung sống bà T1 và ông T2 không có tài sản chung, nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Mai Văn T2. Ông T2 không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà T1 và cũng không đến Tòa án. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Thùy T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Mai Văn T2, ông T2 có địa chỉ tại ấp 3, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Cần Đước thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông T2 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông T2, căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông T2.

[2] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thùy T1 và ông Mai Văn T2 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyền số 01, ngày 19/3/2003, nên xác định hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi cưới nhau, bà T1 nhận thấy rằng vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm đầu. Sau đó, ông T2 thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho vợ con, chi phí sinh hoạt gia đình bà T1 tự trang trải. Thời điểm này, do con còn nhỏ nên bà T1 cố gắng sống vì con, bà T1 khuyên ông T2 nhiều lần nhưng ông T2 vẫn không thay đổi, ngoài ra, ông T2 còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. bà T1 không còn tình cảm với ông T2 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T2 nhưng ông T2 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia hòa giải, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1. Trong thời gian qua, giữa bà T1 và ông T2 không tìm được giải pháp hiệu quả nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, tại phiên tòa, bà T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T2. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cả bà T1 và ông T2 đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân.

Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T1 và ông T2 không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 đối với ông T2.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống, bà T1 và ông T2 có hai người chung tên Mai Hoàng P, sinh ngày 04/11/1992 và Mai Hoàng N, sinh ngày 16/11/1994. Hiện nay, hai người con đã thành niên, bà T1 không có yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà T1 xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung, ông T2 không có ý kiến phản hồi lại về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T1 về việc yêu cầu ly hôn với ông Mai Văn T2.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thùy T1 được ly hôn với ông Mai Văn T2.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Thùy T1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T1 đã nộp theo biên lai thu số 0008971 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Đức sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- THADS huyện Cần Đức;
- UBND xã L,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Võ Thu Xuân**